

TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG BIÊN

TOÁN 5

LUYỆN TẬP CHUNG
TRANG 128



Ôn bài cũ:

Hình hộp chữ nhật:

❖ Cách tính diện tích và thể tích của hình hộp chữ nhật:

▪ Nêu quy tắc tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật.

$$= (\text{dài} + \text{rộng}) \times 2 \times \text{chiều cao}$$

▪ Nêu quy tắc tính diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.

$$= \text{DTXQ} + (\text{dài} \times \text{rộng}) \times 2$$

▪ Nêu quy tắc tính thể tích của hình hộp chữ nhật.
Thể tích = chiều dài $\times$ chiều rộng $\times$ chiều cao

Toán

Cùng ôn bài cũ:

Hình lập phương:

❖ Cách tính diện tích và thể tích của hình lập phương:

▪ Nêu quy tắc tính diện tích xung quanh của hình lập phương.
Diện tích xung quanh = diện tích 1 mặt x 4

$$= \text{cạnh} \times \text{cạnh} \times 4$$

▪ Nêu quy tắc tính diện tích toàn phần của hình lập phương.
Diện tích toàn phần = diện tích 1 mặt x 6

$$= \text{cạnh} \times \text{cạnh} \times 6$$

▪ Nêu quy tắc tính thể tích của hình lập phương.

▪ Thể tích = cạnh x cạnh x cạnh

Thứ sáu ngày 4 tháng 3 năm 2022

Toán

Luyện tập chúng (128)

❖ Mục tiêu cần đạt:

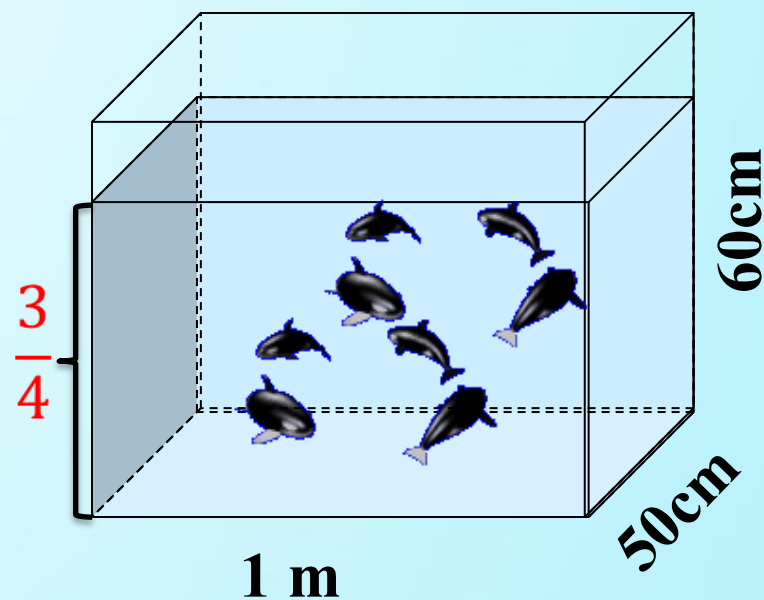
- Tính được diện tích và thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.
- Giải các bài toán có liên quan đến diện tích và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

Bài 1: Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng 50cm, chiều cao 60cm. Tính

a) Diện tích kính dùng làm bể cá đó (bể không có nắp).

b) Thể tích bể cá đó.

c) Mức nước trong bể cao bằng $\frac{3}{4}$ chiều cao của bể. Tính thể tích nước trong bể đó (độ dày kính không đáng kể).



Bài 1: Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng 50cm, chiều cao 60cm. Tính:

a) Diện tích kính dùng làm bể cá đó (bể không có nắp).

Tóm tắt:

- Chiều dài: 1m
- Chiều rộng: 50cm
- Chiều cao: 60cm
- $S_{\text{bể}} = \dots?$ (không có nắp)

Diện tích kính dùng làm bể cá
là diện tích của những mặt nào?

- Diện tích kính dùng làm bể cá là diện tích xung quanh và diện tích một mặt đáy, vì bể cá không có nắp.

Bài giải

$$\text{Đổi } 1 \text{ m} = 10 \text{ dm}$$

$$50 \text{ cm} = 5 \text{ dm}; 60 \text{ cm} = 6 \text{ dm}$$

a, Diện tích xung quanh của bể kính là:

$$(10 + 5) \times 2 \times 6 = 180 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích kính dùng làm bể cá là:

$$180 + 10 \times 5 = 230 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Đáp số: 230 dm^2

Bài 1: Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng 50cm, chiều cao 60cm. Tính:

b) Thể tích bể cá đó.

Tóm tắt:

- Chiều dài: 1m
- Chiều rộng: 50cm
- Chiều cao: 60cm
- $V_{\text{bể}} = \dots?$

Công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật là:

$$V = a \times b \times c$$

(a: chiều dài, b: chiều rộng, c: chiều cao)



Bài 1: Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng 50cm, chiều cao 60cm. Tính:

b) Thể tích bể cá đó.

Tóm tắt:

- Chiều dài: 1m
- Chiều rộng: 50cm
- Chiều cao: 60cm
- $V_{\text{bể}} = \dots?$

Bài giải

Thể tích của bể cá là:

$$10 \times 5 \times 6 = 300 \text{ (dm}^3\text{)}$$

Đáp số: 300 dm³



Bài 1: Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng 50cm, chiều cao 60cm. Tính:

c) Mức nước trong bể cao bằng $\frac{3}{4}$ chiều cao của bể. Tính thể tích nước trong bể đó (độ dày kính không đáng kể).

Tóm tắt:

- Chiều dài: 1m
- Chiều rộng: 50cm
- Chiều cao: 60cm
- $V_{\text{nước}} = \dots?$

Mức nước trong bể cao bằng $\frac{3}{4}$ chiều cao của bể nên thể tích của nước cũng bằng $\frac{3}{4}$ thể tích của bể.

Bài 1: Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng 50cm, chiều cao 60cm. Tính:
c) Mức nước trong bể cao bằng $\frac{3}{4}$ chiều cao của bể. Tính thể tích nước trong bể đó (độ dày kính không đáng kể).

Tóm tắt:

- Chiều dài: 1m
- Chiều rộng: 50cm
- Chiều cao: 60cm
- $V_{\text{nước}} = \dots?$

$$1\text{dm}^3 = 1 \text{ lít}$$

Bài giải

Thể tích nước trong bể:

$$300 \times 3 : 4 = 225 \text{ (dm}^3\text{)}$$

$$\text{Đổi } 225 \text{ dm}^3 = 225 \text{ lít}$$

Đáp số: 225 lít

Bài 2: Một hình lập phương có cạnh 1,5m. Tính:

a) Diện tích xung quanh của hình lập phương.

b) Diện tích toàn phần của hình lập phương.

c) Thể tích của hình lập phương.

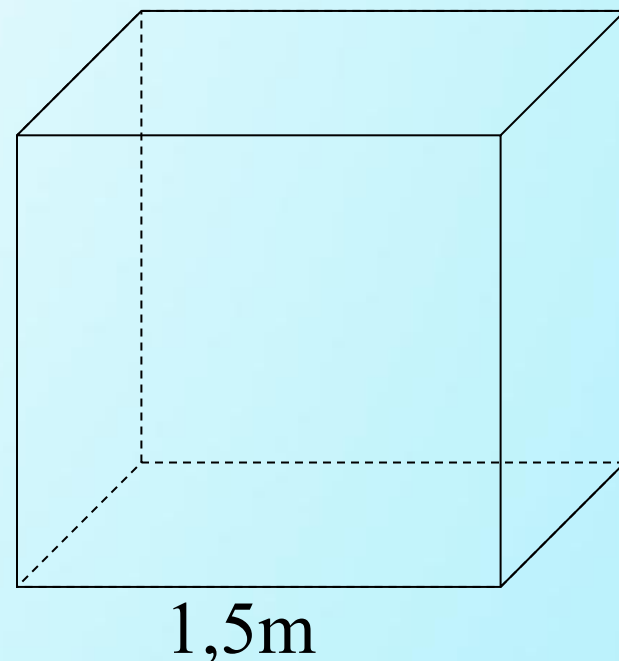
Tóm tắt:

$$a = 1,5\text{m}$$

$$\text{a) } S_{\text{xq}} = ? \text{ m}^2$$

$$\text{b) } S_{\text{tp}} = ? \text{ m}^2$$

$$\text{c) } V = ? \text{ m}^3$$



Tóm tắt:

$$a = 1,5\text{m}$$

$$\text{a) } S_{\text{xq}} = ? \text{ m}^2$$

$$\text{b) } S_{\text{tp}} = ? \text{ m}^2$$

$$\text{c) } V = ? \text{ m}^3$$

$$S_{\text{xq}} = a \times a \times 4$$

$$S_{\text{tp}} = a \times a \times 6$$

$$V = a \times a \times a$$

Bài giải

a) DTXQ của hình lập phương là:

$$1,5 \times 1,5 \times 4 = 9 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) DTTP của hình lập phương là:

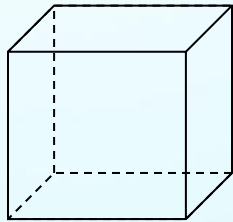
$$1,5 \times 1,5 \times 6 = 13,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

c) Thể tích của hình lập phương là:

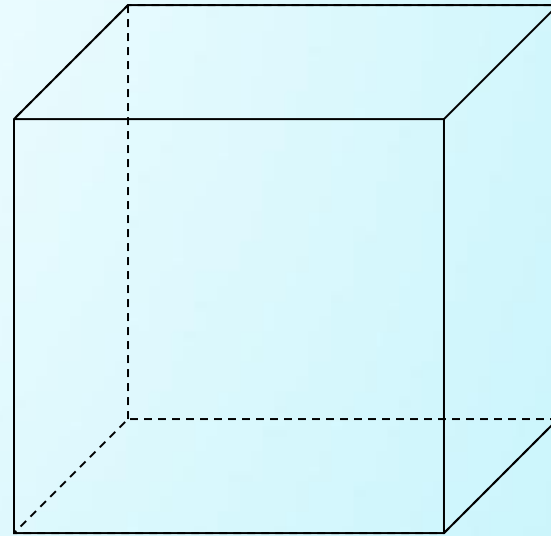
$$1,5 \times 1,5 \times 1,5 = 3,375 \text{ (m}^3\text{)}$$

Đáp số: a) 9m^2 ; b) $13,5\text{m}^2$; c) $3,375\text{m}^3$

Bài 3: Có hai hình lập phương. Hình M có cạnh dài gấp 3 lần cạnh hình N.



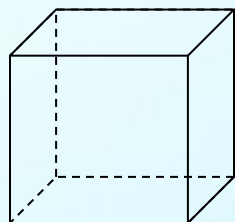
N



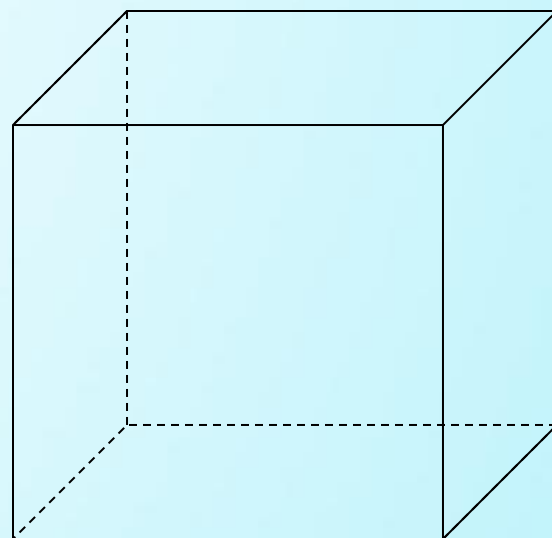
M

- a) Diện tích toàn phần của hình M gấp mấy lần diện tích toàn phần của hình N?
- b) Thể tích của hình M gấp mấy lần thể tích của hình N?

Bài 3: Có hai hình lập phương. Hình M có cạnh dài gấp 3 lần cạnh hình N.



N



M

Ví dụ: Cạnh của hình N là 1 cm thì cạnh của hình lập phương M sẽ là bao nhiêu?

a)

Bài giải

Ví dụ: cạnh của hình N là 1 cm.

Cạnh của hình lập phương M là:

$$1 \times 3 = 3 \text{ (cm)}$$

Diện tích toàn phần của hình lập phương N là:

$$1 \times 1 \times 6 = 6 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình lập phương M là:

$$1 \times 3 \times 1 \times 3 \times 6 = 54 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình M gấp diện tích toàn phần của hình N số lần là:

$$54 : 6 = 9 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 9 lần

b)

Bài giải

Thể tích của hình lập phương N là:

$$1 \times 1 \times 1 = 1 \text{ (cm}^3\text{)}$$

Thể tích của hình lập phương M là:

$$3 \times 3 \times 3 = 27 \text{ (cm}^3\text{)}$$

Thể tích của hình M gấp thể tích của hình N số lần là:

$$27 : 1 = 27 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 27 lần

- Cách tính diện tích, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.
- Đơn vị đo thể tích của nước.

$$1 \text{ dm}^3 = 1 \text{ lít}$$

$$1 \text{ m}^3 = 1000 \text{ lít}$$

Hình hộp
chữ nhật

S (1 mặt đáy)

$$S = a \times b$$

S_{XQ}

$$S_{XQ} = (a + b) \times 2 \times c$$

S_{TP}

$$S_{tp} = S_{xq} + S_{2 \text{ đáy}}$$

V

$$V = a \times b \times c$$

Hình lập
phương

S (1 mặt)

$$S = a \times a$$

S_{XQ}

$$S_{XQ} = (a \times a) \times 4$$

S_{TP}

$$S_{TP} = (a \times a) \times 6$$

V

$$V = a \times a \times a$$

A decorative border on the left side of the slide features a vertical arrangement of tulips in orange and yellow colors, with green leaves. A small pink butterfly is positioned near the top of this border.

Dặn dò:

- Xem lại nội dung bài học.
- CBBBàì: Bảng đơn vị đo thời gian (trang 130, 131)